

Bản án số: 81/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 23-6-2022
V/v Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM – TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Huỳnh Văn Hồng**

2. Bà **Trần Thị Thu Hà**

- *Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Linh* - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm không tham gia phiên tòa.

Ngày 23 tháng 6 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 118/2022/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 03 năm 2022, về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định hoãn phiên tòa số: 64/2022/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn: Chị Đoàn V*, sinh năm 1997 (vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 20/04/2022)

Địa chỉ: ấp C, xã T, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long

2. *Bị đơn: Anh Trần B*, sinh năm 1985 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp B, xã N, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 07 tháng 3 năm 2022 và những lời khai khác có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Đoàn V trình bày:**

- Về mối quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần B do quen biết tìm hiểu nhau rồi tiến tới hôn nhân có tổ chức lễ cưới năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện V, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 26 tháng 6 năm 2015. Sau ngày cưới chị và anh B sống chung gia đình chồng tại ấp B, xã N huyện V, tỉnh Vĩnh Long. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2019

thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm. Chị và anh B không còn sống chung từ cuối năm 2019 đến nay.

Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn sống hạnh phúc được nên chị yêu cầu ly hôn với anh Trần B.

- Về con chung: Có một người con chung tên Trần N, sinh ngày 08 tháng 9 năm 2014 hiện đang sống với chị. Sau khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con và không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung phải thu, phải trả: Chị V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Đối với bị đơn anh Trần B:**

Anh Trần B có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp B, xã N huyện V, tỉnh Vĩnh Long hiện anh B có mặt tại địa phương. Tòa án đã triệu tập hợp lệ, nhưng anh B cố tình không hợp tác.

*** Theo bảng khai ý kiến ngày 31 tháng 03 năm 2022 cháu Trần N, sinh ngày 08 tháng 9 năm 2014 trình bày:** Khi cha mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng sống với mẹ.

Tài liệu, chứng cứ trong vụ án:

Nguyên đơn đã nộp: 01 giấy khai sinh bản sao, 01 giấy chứng nhận kết hôn bản gốc, đơn xin xác nhận, 01 phiếu chuyển phát nhanh, bảng khai ý kiến của cháu Trần Thanh Bảo Ngọc, đơn xin vắng mặt.

Bị đơn anh Trần B có đến Tòa án và nộp cho 01 bản photo chứng minh nhân dân tên Trần Thanh Bình, ngoài ra không nộp tài liệu, chứng cứ nào.

Ngoài ra đương sự không còn yêu cầu nào khác giữ nguyên quan điểm của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Chị Đoàn V có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện V tỉnh Vĩnh Long giải quyết việc tranh chấp ly hôn giữa chị V và anh Trần B, anh B có nơi cư trú tại ấp B, xã N, huyện V, tỉnh Vĩnh Long. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng từ khi thụ lý vụ án đến khi vụ án được đưa ra xét xử anh Trần B cố tình vắng mặt không lý do, không hợp tác với Tòa án để giải quyết vụ án, anh B biết chị V yêu cầu ly hôn với anh tại Tòa án, **ngày 20 tháng 04 năm 2022 chị Đoàn V** có đơn xin vắng mặt tại Tòa án nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh B, chị V theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Mỗi quan hệ hôn nhân giữa chị Đoàn V và anh Trần B là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Hôn nhân của anh chị do quen biết có tổ chức lễ cưới vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện V, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 26 tháng 6 năm 2015. Theo lời trình bày của chị V thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, hiện chị và anh B không còn sống chung.

Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị V yêu cầu ly hôn với anh B là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Chị V và anh Bình cùng có một con chung tên Trần N, sinh ngày 08 tháng 9 năm 2014 hiện đang sống với chị V. Sau khi ly hôn chị V yêu cầu nuôi dưỡng con chung là phù hợp với nguyện vọng của cháu N và chị V không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con là phù hợp Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình. Nên được chấp nhận.

- Về tài sản chung và nợ chung phải thu, phải trả: Chị V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị V phải chịu án phí theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 9, 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Điều 28, 35, 147, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 3, **Điều 27** Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016.

*** Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu của chị Đoàn V

[1] Về mối quan hệ hôn nhân: Cho chị Đoàn V được ly hôn với anh Trần B

[2] Con chung: Giao con chung tên Trần N, sinh ngày 08 tháng 09 năm 2014 cho chị Đoàn V nuôi dưỡng. Chị V tự nguyện không yêu cầu anh Trần B phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

[3] Tài sản chung và nợ chung phải thu, phải trả: Chị Đoàn V không yêu cầu Tòa án giải quyết. Miễn xét.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân và gia đình: Chị Đoàn V nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số N⁰ 0008111 ngày 10 tháng 03 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm. Chị V đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại địa phương để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử lại phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Vũng Liêm;
- Chi cục THADS huyện Vũng Liêm;
- UBND xã **N**
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Thanh Tuyền

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thanh Tuyên